UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/TC-STP

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 11 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 10 năm 2026

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án *"Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân"*, Sở Tư pháp ban hành Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 10 năm 2026, như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 10 năm 2026, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành **12** văn bản quy phạm pháp luật *(gồm: 03 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; 07 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; 02 Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*, cụ thể:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh:

(1) Nghị quyết số 63/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2026 Quy định một số mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Nghị quyết số 64/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2026 Quy định tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Tuyên Quang".

(3) Nghị quyết số 65/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2026 Quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang nghỉ việc, thôi đảm nhiệm chức danh do địa phương chủ động cơ cấu, kiện toàn đội ngũ nhưng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

2. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh:

(1) Quyết định số 125/2026/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026 Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Quyết định số 126/2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2026 Quy định thời gian hoạt động của các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(3) Quyết định số 127/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2026 Bãi bỏ Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư thuộc Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang.

(4) Quyết định số 128/2026/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2026 Bãi bỏ các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương và của chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Công Thương.

(5) Quyết định số 129/2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2026 Ban hành Quy chế phối hợp vận hành hệ thống các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(6) Quyết định số 130/2026/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(7) Quyết định số 131/2026/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2026 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

(1) Quyết định số 11/2026/QĐ-CTUBND ngày 13 tháng 10 năm 2026 Phân cấp thẩm quyền giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Quyết định số 12/2026/QĐ-CTUBND ngày 27 tháng 10 năm 2026 Bãi bỏ Quyết định số 02/2025/QĐ-CTUBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung; đơn vị mua sắm tập trung; thời hạn gửi văn bản đăng ký mua sắm tập trung cấp địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị quyết số 63/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 63/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành Nghị quyết số 63/2026/NQ-HĐND để thực hiện đúng, đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ

sung bởi Luật số 145/2025/QH15[1] và điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định số 113-QĐ/TW ngày 25/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy[2]; đồng thời, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện chi từ nguồn ngân sách nhà nước cho các hoạt động của Đảng ủy xã, phường.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 63/2026/NQ-HĐND quy định một số mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm 07 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Chi xây dựng và thẩm định văn bản trình Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường.

(3) Điều 3: Chi xây dựng một số văn bản khác trình Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường.

(4) Điều 4: Chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của Đảng ủy; Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường.

(5) Điều 5: Chi trang phục.

(6) Điều 6: Tổ chức thực hiện.

(7) Điều 7: Điều khoản thi hành.

2. Nghị quyết số 64/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Tuyên Quang"

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 64/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

---

[1] Điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15 quy định:

"Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

...9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

...l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương".

[2] Điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định số 113-QĐ/TW quy định:

"Điều 4. Trình tự thực hiện và thẩm quyền quy định mức chi

...2. Đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng:

...b) Căn cứ các nội dung, mức chi tại Quy định này (trừ nội dung quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này), văn phòng tỉnh ủy, thành ủy chủ trì, phối hợp với sở tài chính và các cơ quan có liên quan của tỉnh, thành phố báo cáo ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy (bằng văn bản) đề nghị hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố quyết định hoặc giao hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đối với đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng, mức chi tối đa bằng 50% mức chi của tỉnh ủy, thành ủy, bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối của ngân sách địa phương".

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 64/2026/NQ-HĐND quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 71 Luật Thi đua khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16[3]; đồng thời, tạo cơ sở pháp lý cho việc xét, tặng Kỷ niệm chương cho các cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của tỉnh.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 64/2026/NQ-HĐND quy định về tên gọi, nguyên tắc, đối tượng, tiêu chuẩn, thời gian xét tặng và mức tiền thưởng kèm theo Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Tuyên Quang", gồm 07 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Tên gọi Kỷ niệm chương.

(3) Điều 3: Nguyên tắc xét tặng.

(4) Điều 4: Đối tượng, tiêu chuẩn.

(5) Điều 5: Thời gian xét tặng.

(6) Điều 6: Mức tiền thưởng.

(7) Điều 7: Điều khoản thi hành.

3. Nghị quyết số 65/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang nghỉ việc, thôi đảm nhiệm chức danh do địa phương chủ động cơ cấu, kiện toàn đội ngũ nhưng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 65/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 10 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành Nghị quyết số 65/2026/NQ-HĐND để thực hiện đúng, đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15[4] và hướng dẫn tại Văn bản số 7031/BNV-TCBC

---

[3]Khoản 2 Điều 71 Luật Thi đua khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16 quy định: *"2. Kỷ niệm chương để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Bộ, ban, ngành, tỉnh, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương. Tên kỷ niệm chương, đối tượng và tiêu chuẩn tặng kỷ niệm chương do Bộ, ban, ngành, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương quy định".*

[4]Điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15 quy định:

"Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

...9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

ngày 07/7/2026 của Bộ Nội vụ về việc chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố[5]; đồng thời, tạo cơ sở pháp lý cho việc hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do địa phương cơ cấu, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ, không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 65/2026/NQ-HĐND quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang nghỉ việc, thôi đảm nhiệm chức danh do địa phương chủ động cơ cấu, kiện toàn đội ngũ nhưng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, gồm 08 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

(2) Điều 2: Đối tượng áp dụng.

(3) Điều 3: Nguyên tắc hỗ trợ.

(4) Điều 4: Chính sách hỗ trợ.

(5) Điều 5: Hoàn trả, thu hồi kinh phí hỗ trợ.

(6) Điều 6: Nguồn kinh phí.

(7) Điều 7: Tổ chức thực hiện.

(8) Điều 8: Hiệu lực thi hành.

4. Quyết định số 125/2026/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 125/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

+ Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân

---

...l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương".

[5] Văn bản số 7031/BNV-TCBC quy định:

"1. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thuộc đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp thôn, tổ dân phố, đề nghị các địa phương thực hiện việc giải quyết chính sách theo đúng quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính trước ngày 30/7/2026 để theo dõi, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Đối với các trường hợp nghỉ việc do địa phương chủ động cơ cấu, kiện toàn đội ngũ nhưng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, đề nghị các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách để chủ động ban hành chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương theo thẩm quyền và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nội vụ để theo dõi, tổng hợp (số liệu dự kiến gửi về trước ngày 30/7/2026)".

huyện, thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Bãi bỏ số thứ tự 121 Mục XIV Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành Quyết định số 125/2026/QĐ-UBND để thực hiện đúng, đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 9 Điều 66 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2023/NĐ-CP, Nghị định số 129/2025/NĐ-CP, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP[6]; nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh Tuyên Quang với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế, các cửa khẩu. Đồng thời, kịp thời xử lý Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND và Quyết định số 77/QĐ-UBND do không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tổ chức bộ máy nhà nước sau sắp xếp.

c) Nội dung chủ yếu:

- Quyết định số 125/2026/QĐ-UBND gồm 02 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Điều 2: Điều khoản thi hành.

- Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 125/2026/QĐ-UBND gồm 03 Chương, 18 Điều, cụ thể như sau:

+ ***Chương I – Quy định chung***, gồm 04 Điều *(từ Điều 1 đến Điều 4),* quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Nguyên tắc phối hợp; (4) Phương thức phối hợp.

---

[6]Khoản 9 Điều 66 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2023/NĐ-CP, Nghị định số 129/2025/NĐ-CP, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP quy định:

"Điều 66. Quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

9. Ban hành và giám sát thực hiện Quy chế phối hợp giữa Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế với các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hướng dẫn, quy định phân cấp, ủy quyền cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về các lĩnh vực theo quy định tại Nghị định này"."

+ ***Chương II - Nội dung và trách nhiệm phối hợp***, gồm 10 Điều *(từ Điều 5 đến Điều 14*), quy định về: (1) Quản lý đầu tư; (2) Quản lý quy hoạch, xây dựng; (3) Quản lý môi trường; (4) Quản lý lao động; (5) Quản lý đất đai và phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế; (6) Quản lý khoa học và công nghệ; (7) Quản lý xuất nhập khẩu, quản lý thuế; (8) Quản lý an ninh trật tự; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; (9) Phối hợp thực hiện các hoạt động tại cửa khẩu; (10) Công tác xử lý vi phạm hành chính.

+ ***Chương III – Tổ chức thực hiện***, gồm 04 Điều *(từ Điều 15 đến Điều 18)*, quy định về: (1) Trách nhiệm của Ban Quản lý; (2) Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan; (3) Chế độ thông tin, báo cáo; (4) Điều khoản thi hành.

5. Quyết định số 126/2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định thời gian hoạt động của các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 126/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 10 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 126/2026/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2026/NĐ-CP[7]; đồng thời, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc xác định thời gian hoạt động của các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn tỉnh.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 126/2026/QĐ-UBND quy định thời gian hoạt động của các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn tỉnh, gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

(2) Điều 2: Đối tượng áp dụng.

(3) Điều 3: Thời gian hoạt động của đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử.

(4) Điều 4: Điều khoản thi hành.

---

[7]Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2026/NĐ-CP quy định: *"Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định các biện pháp về thời gian hoạt động của các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn".*

6. Quyết định số 127/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bãi bỏ Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư thuộc Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 127/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 10 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 127/2026/QĐ-UBND để kịp thời bãi bỏ Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư thuộc Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang do không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 127/2026/QĐ-UBND gồm 02 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư thuộc Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang.

(2) Điều 2: Điều khoản thi hành.

7. Quyết định số 128/2026/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bãi bỏ các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương và của chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Công Thương

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 128/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 128/2026/QĐ-UBND để kịp thời bãi bỏ các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương và của chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Công Thương do không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 128/2026/QĐ-UBND gồm 02 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và

cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương và của chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Công Thương, gồm:

- Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Công Thương thuộc Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang.

(2) Điều 2: Điều khoản thi hành.

8. Quyết định số 129/2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp vận hành hệ thống các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 129/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

- Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin và vận hành đón, xả lũ đối với các nhà máy thủy điện trên lưu vực sông Lô, sông Miện trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin và vận hành đón, xả lũ đối với các nhà máy thủy điện trên lưu vực sông Nho Quế trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành Quyết định số 129/2026/QĐ-UBND để thực hiện đúng, đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 84/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15[8]; nhằm tạo

[8] Khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 84/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 quy định:

"Căn cứ danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý cần phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối và lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước khi ban hành.

Trường hợp các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du chủ trì xây dựng quy chế phối hợp vận hành và lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan và Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du ban hành".

cơ sở pháp lý cho việc phối hợp vận hành hệ thống các đập, hồ chứa hoạt động trên sông, suối thuộc các lưu vực sông Lô, Nho Quế, Chảy, Con, Gâm và Phó Đáy trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, kịp thời xử lý Quyết định số 1627/QĐ-UBND và Quyết định số 1628/QĐ-UBND do không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tổ chức bộ máy nhà nước sau sắp xếp.

c) Nội dung chủ yếu:

- Quyết định số 129/2026/QĐ-UBND gồm 02 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp vận hành hệ thống các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Điều 2: Điều khoản thi hành.

- Quy chế phối hợp vận hành hệ thống các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 129/2026/QĐ-UBND gồm 03 Chương, 20 Điều, cụ thể như sau:

+ ***Chương I – Quy định chung***, gồm 05 Điều *(từ Điều 1 đến Điều 5)*, quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; (2) Nguyên tắc chung; (3) Hình thức phối hợp; (4) Cơ chế phối hợp; (5) Nội dung phối hợp.

+ ***Chương II - Nội dung phối hợp vận hành hệ thống các đập, hồ chứa***, gồm 04 Điều *(từ Điều 6 đến Điều 9*), quy định về: (1) Phối hợp rà soát quy trình vận hành đập, hồ chứa trên sông, suối; (2) Phối hợp vận hành đập, hồ chứa trong mùa lũ; (3) Phối hợp vận hành đập, hồ chứa trong mùa kiệt; (4) Chế độ chia sẻ thông tin và báo cáo.

+ ***Chương III – Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị***, gồm 11 Điều *(từ Điều 10 đến Điều 20)*, quy định về: (1) Trách nhiệm của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh; (2) Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; (3) Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường; (4) Trách nhiệm của Sở Công Thương; (5) Trách nhiệm của Công an tỉnh; (6) Trách nhiệm của Sở Xây dựng; (7) Trách nhiệm của Sở Y tế; (8) Trách nhiệm của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tuyên Quang; (9) Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang; (10) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã; (11) Trách nhiệm của các chủ quản lý đập, hồ chứa.

9. Quyết định số 130/2026/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 130/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 10 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 130/2026/QĐ-UBND để sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cho phù hợp với quy định của Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về dạy thêm, học thêm được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 130/2026/QĐ-UBND gồm 02 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang *(gồm: Bãi bỏ điểm c, d, đ khoản 7 Điều 2; sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 2 và sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 3)*.

(2) Điều 2: Điều khoản thi hành.

10. Quyết định số 131/2026/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 131/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 131/2026/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 13 Điều 3, khoản 7 Điều 10, khoản 11 Điều 11, khoản 8 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 8 Điều 16, khoản 5 Điều 17, khoản 7 Điều 18, khoản 4 Điều 19, khoản 3 Điều 23 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 131/2026/QĐ-UBND quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, gồm 04 Chương, 21 Điều, cụ thể như sau:

- ***Chương I – Quy định chung***, gồm 03 Điều *(từ Điều 1 đến Điều 3)*, quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Phân cấp quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- ***Chương II - Xây dựng, tổ chức triển khai, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh***, gồm 03 Điều *(từ Điều 4 đến Điều 6*), quy định về: (1) Căn cứ xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh; (2) Xây dựng, thẩm định, phê duyệt chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh; (3) Tổ chức thực hiện, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chương trình.

- ***Chương III – Quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo,*** gồm 10 Điều *(từ Điều 7 đến Điều 16)*, quy định về: (1) Trình tự đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (2) Phê duyệt danh mục đặt hàng và thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (3) Thông báo kế hoạch tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (4) Xét tài trợ, đặt hàng và thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (5) Ký hợp đồng, đánh giá trong kỳ, cấp tiếp kinh phí, điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ và chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (6) Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (7) Đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; (8) Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ và thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (9) Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (10) Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- ***Chương IV – Trách nhiệm, tổ chức thực hiện,*** gồm 05 Điều *(từ Điều 17 đến Điều 21)*, quy định về: (1) Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ; (2) Trách nhiệm của Sở Tài chính; (3) Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; (4) Trách nhiệm của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ; (5) Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp.

11. Quyết định số 11/2026/QĐ-CTUBND ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phân cấp thẩm quyền giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 11/2026/QĐ-CTUBND có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 10 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 11/2026/QĐ-CTUBND để quy định nội dung được giao tại khoản 2 Điều 9, điểm c khoản 12 Điều 17, điểm b khoản 4 Điều 18, điểm b khoản 4 Điều 19, điểm b khoản 4 Điều 20, điểm b khoản 2 Điều 24, điểm c khoản 2 Điều 25, điểm b khoản 3 Điều 27, điểm b khoản 2 và điểm a khoản 7 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý; đồng thời, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn tỉnh.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 11/2026/QĐ-CTUBND quy định phân cấp thẩm quyền giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn tỉnh, gồm 14 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

(2) Điều 2: Đối tượng áp dụng.

(3) Điều 3: Phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng.

(4) Điều 4: Phân cấp thẩm quyền phê duyệt giá cung cấp dịch vụ đối với các dịch vụ quy định tại điểm c khoản 12 Điều 17 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

(5) Điều 5: Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng.

(6) Điều 6: Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

(7) Điều 7: Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

(8) Điều 8: Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 24 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

(9) Điều 9: Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng trong các trường hợp quy định tại điểm a, b và d khoản 1 Điều 25 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

(10) Điều 10: Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng.

(11) Điều 11: Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng.

(12) Điều 12: Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi sau khi thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng.

(13) Điều 13: Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

(14) Điều 14: Điều khoản thi hành.

12. Quyết định số 12/2026/QĐ-CTUBND ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bãi bỏ Quyết định số 02/2025/QĐ-CTUBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung; đơn vị mua sắm tập trung; thời hạn gửi văn bản đăng ký mua sắm tập trung cấp địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 12/2026/QĐ-CTUBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 12/2026/QĐ-CTUBND để kịp thời bãi bỏ Quyết định số 02/2025/QĐ-CTUBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung; đơn vị mua sắm tập trung; thời hạn gửi văn bản đăng ký mua sắm tập trung cấp địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do không còn phù hợp với tình hình thực tiễn.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 12/2026/QĐ-CTUBND gồm 02 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 02/2025/QĐ-CTUBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung; đơn vị mua sắm tập trung; thời hạn gửi văn bản đăng ký mua sắm tập trung cấp địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Điều 2: Điều khoản thi hành.

(Nội dung chi tiết của văn bản được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Tuyên Quang thuộc Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật, địa chỉ: https://vbpl.vn/tuyenquang/Pages/home.aspx).

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 10 năm 2026, Sở Tư pháp xin thông báo./.

***Nơi nhận*:**
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (Báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục PBGDPL&TGPL, Bộ Tư pháp (Báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (Báo cáo);
- MTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các ban, sở, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN;
- Báo và PTTH Tuyên Quang;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT Sở TP (đăng tải);
- Phòng PBGDPL;
- Lưu: VT, XDKTVB&THPL.(TTLan).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Khánh Lâm